TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-5-2018
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Thưa.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Anh Dũng.

2. Ông Đặng Minh Dũng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Tiểu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên tòa*: Ông Trần Văn Truyền – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 496/2018/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 12 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1978 (có mặt).
Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Đồng Tháp.
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1973 (vắng mặt).
Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Đồng Tháp
Chỗ ở hiện tại: ấp O, xã U, huyện H, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 10 năm 2017, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T trình bày: Chị và anh C cưới nhau vào năm 1997 do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 682 ngày 08 tháng 10 năm 2002. Thời gian đầu sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh C thường xuyên cờ bạc, chị T ccó khuyên can nhiều lần nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã ly thân từ năm 2017. Nay chị T xác định tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm M, sinh năm 1998; Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 2008. Khi ly hôn chị T đồng ý để anh C nuôi cháu N, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày: Thống nhất như lời trình bày của chị T về thời gian và điều kiện kết hôn. Anh C cho rằng trong cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Hiện tại anh C xác định vẫn còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm M, sinh năm 1998; Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 2008 hiện đang sống với anh C. Do không đồng ý ly hôn nên anh C không có ý kiến gì về con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tại phiên tòa như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Giao con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Cẩm N cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con do anh C không có yêu cầu.

Chị Nguyễn Thanh T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị T có đơn khởi kiện đối với anh C. Anh C hiện tại đang có nơi cư trú tại ấp O, xã U, huyện H nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị T xin ly hôn với anh C, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn".

[3]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn C vắng mặt không có lý do dù được tống đạt hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh C.

[4]. Về yêu cầu cuả đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C cưới nhau vào năm 1997 trên cơ sở do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào năm 2002 được Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân là hợp pháp. Chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc

sống, anh C thường xuyên cờ bạc. Hiện tại chị T và anh C ly thân hơn một năm không còn sống chung, tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn với anh C. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ tại địa phương để xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh C. Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh thì mâu thuẫn giữa chị T và anh C địa phương không được rõ. Anh C không thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ thương con. Tuy nhiên tại phiên tòa anh C vắng mặt không có lý do cho thấy anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, không đưa ra được biện pháp gì để vợ chồng hàn gắn tình cảm, trong khi chị T vẫn cương quyết xin ly hôn với anh. Hơn nữa anh C hiện tại đang cư trú tại ấp O, xã U, huyện H, tỉnh Tiền Giang (có xác nhận của Công an xã Long Trung, huyện Cai Lậy), trong khi chị T đang ở huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh C đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu nhưng vẫn không hàn gắn tình cảm được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh C.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm M, sinh năm 1998; Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 2008. Khi ly hôn chị T đồng ý giao cháu N cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, cháu N hiện đang sống với anh C cũng có nguyện vọng được sống chung với cha, do đó giao cháu Nguyễn Thị Cẩm N cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng: Chị T không cấp dưỡng nuôi con do anh C không có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thanh T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tại phiên tòa là có cơ sở phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh T. Chị Nguyễn Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 2008 cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con do anh C không có yêu cầu.

Chị Nguyễn Thanh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thanh T chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 16357 ngày 02 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, nên chị T đã thực hiện xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án hợp lệ.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thưa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cai Lậy, ngày 17 tháng 5 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 15 giờ ngày 17 tháng 5 năm 2018.

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thưa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Anh Dũng

2. Ông Đặng Minh Dũng.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 496/2017/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp "ly hôn" giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Đồng Tháp

Tạm trú: ấp O, xã U, huyện H, tỉnh Tiền Giang

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1.Về quan hệ pháp luật tranh chấp: tranh chấp "Ly hôn".

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

2.Về điều luật áp dụng:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

3.Quyết định xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh T. Chị Nguyễn Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Văn C

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 2008 cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con do anh C không có yêu cầu.

Chị Nguyễn Thanh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thanh T chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 16357 ngày 02 tháng 11 năm 2017

của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, nên chị T đã thực hiện xong án phí.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

- Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Biên bản kết thúc 15 giờ 30 phút ngày 17 tháng 5 năm 2018, có đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử nghe và đồng ý ký tên.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**